

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/HS - ST**
Ngày: 06 – 03 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Lâm

2. Ông Trịnh Ngọc Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường B Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh năm: 1992, tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Nhe

Nơi ĐKKHKT: Ấp 5, xã TC, huyện TP, Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm thuê;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Trần Quang Đ – 1968 và bà Võ Thị Thu C – 1969 hiện ở huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai.

Vợ: Lương Thị Mỹ N – 1992.

Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

- Người bị hại: Ông Dương Văn T1 (Đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Kim D – 1959.

2. Anh Dương Quốc N – 1986.

3. Anh Dương Quốc Th – 1988.

Cùng nơi cư trú: Ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà Phan Thị C – 1959.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt bị cáo, bà D; Vắng mặt anh N, anh Th và bà C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2015 có giá trị không thời hạn. Tối ngày 22/8/2017, Trần Quang T điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 423.58 lưu thông trên đường Trà Cỏ theo hướng Quốc lộ 20 - Phú Điền. Lúc 20 giờ 55 phút cùng ngày, khi đến km 01 + 400 thuộc địa phận đường Trà Cỏ thuộc Ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai do không chú ý quan sát đã đụng vào ông Dương Văn T1 đang đi bộ cùng chiều phía trước gây tai nạn giao thông. Sau khi tai nạn xảy ra, T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đầu thú.

Tại hiện trường vụ tai nạn, mặt lòng đường Trà Cỏ rộng 05,20m. Sau khi xảy ra tai nạn giao thông xe mô tô trượt ngã trên hành lang an toàn bên phải; vết trượt dài 13m, đầu vết trượt cách mép lòng đường bên phải là 0,30m. Tâm bánh trước và bánh sau của xe mô tô do T điều khiển cách mép lòng đường bên phải lần lượt là 0m10 và 0m30 (Hướng bên phải nêu trên được tính theo chiều lưu hành của xe ô tô do T điều khiển).

Nguyên nhân – lỗi gây ra vụ tai nạn giao thông: Do T không chú ý quan sát.

Hậu quả: Ông Dương Văn T1 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất. Đến ngày 23/8/2017 ông T1 chết.

Kết luận số 524/PC54 – KLGDPT ngày 30/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã giám định xác định nguyên nhân chết do sốc đa chấn thương, chấn thương sọ não nặng, máu tụ dưới màng cứng thái dương – đỉnh phải và bán cầu trái, gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân hai bên.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 11 năm 2017, VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc điểm nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề xuất mức án đối với bị cáo Trần Quang T từ 6 (sáu) đến 8 (tám) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 giấy phép lái xe số 790155257414 mang tên Trần Quang T do Sở giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2015 đã trao trả cho bị cáo T. Vì vậy, đề nghị không xem xét.

Xe mô tô biển số 60B3 – 423.58 đã được trao trả chủ sở hữu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

Bị cáo có lời nói sau cùng như sau: Bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T thừa nhận: Lúc 20 giờ 55 phút ngày 22/8/2017 tại km 01 + 400m đường Trà Cổ thuộc ấp 1, xã TC, huyện Tân Phú bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 423.58 do không chú ý quan sát nên gây tai nạn giao thông làm chết một người. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm h khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội thì hành vi của bị cáo theo

quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt so với khoản 1, Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là nặng hơn nên quy định này không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, áp dụng tội phạm và hình phạt tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp với luật định.

[3]. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Tình trạng những người điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ không chấp hành những quy định về an toàn giao thông đường bộ đang trở thành vấn đề bức xúc đối với xã hội. Bị cáo T thực hiện hành vi trên với lỗi vô ý. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xét thấy cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết, cần tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo đầu thú và đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 giấy phép lái xe số 790155257414 mang tên Trần Quang T do Sở giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2015 đã trao trả cho bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xe mô tô biển số 60B3 – 423.58 đã được trao trả chủ sở hữu. Vì vậy không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.0000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang T 6 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bà D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N, anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh